

CAO HUY THUẬN

# thì thầm

**K**hi tôi bắt đầu học kinh *Bát Nhã*, thầy dạy tôi nói: “Chú phải vắt hết những khái niệm, luận lý kiểu Tây phương của chú ra khỏi đầu trước đã”. Tôi được giải thích: Triết lý Tây phương đặt nền móng trên cái *Là*, cái *Có*, cái *Hữu*, *Être*. Tôi *là*, tôi *có*, tôi *hiện hữu*. Thượng đế *là*, Thượng đế *có*, Thượng đế *hiện hữu*. Phật giáo ngược lại: không *Là*, không *Être*, cho nên

cũng không *non-Être*. Không *Hữu* cho nên cũng không *Vô*. Thầy dọa thêm: “Nếu chú chưa bắt đầu học chữ “không” mà trong đầu đã định ninh rằng “không” là không có gì cả, là trống rỗng, là hư vô, là con số *Zéro*, thì xin chú đứng ngoài cửa, đừng bước vào nhà”.

Tôi bắt đầu học *Tâm Kinh Bát Nhã* như thế. Học thái độ học trước, học hiểu sau. Tự nhủ: học kinh thì không phải chỉ học với cái đầu. Cái đầu mà thôi,

khó mà với tới được chữ “không”.

Rất tâm lý, thấy tôi đưa cho tôi đọc một bản kinh có hơi hướng Tây phương, ghi lại đối thoại giữa một ông vua thời Hy Lạp cổ với một nhà sư Ấn Độ cùng thời. Cái ví dụ mà tôi đọc trong đó, ai bắt đầu học chữ “không” đều biết. Vua Milinda đến thăm nhà sư Nagasena. Sư hỏi vua đến bằng gì, vua trả lời bằng xe. Bằng xe? Thật chăng? Sư đặt ra một chuỗi câu hỏi. Bánh xe là xe chăng? Gọng là xe chăng? Trụ là xe chăng? Ghé là xe chăng? Ách là xe chăng? Mui là xe chăng? Dây cương? Cây roi? Cái gì cũng không phải là xe cả, vậy thì cái gọi là “xe” có hay chăng? Không! “Xe” là do tất cả các yếu tố kia hợp lại, nếu tách chúng ra thì cái gọi là “xe” đâu có! Tự nó, cái gọi là “xe” không có. Nó có là do cái này, cái kia hỗ tương chằng chịt nhau kết hợp. Ta nói: chiếc xe không có tự tánh. Sự vật có, nhưng không có tự tánh. Không có tự tánh, cho nên ta gọi là “không”. Bởi vậy, “không” không phải là không có gì cả. Có chứ! Nhưng phải thấy cái “có” đó không có tự tánh, không tự nó độc lập mà sinh ra. Không có bất cứ cái gì tự nó mà sinh ra, tự nó độc lập mà hiện hữu. Tôi hiểu tại sao bài *Tâm Kinh* mở đầu bằng phủ định rồi tiếp tục bằng một chuỗi phủ định: “Tánh không của các pháp là không sanh, không diệt, không sạch, không dơ, không thêm không bớt...”. Không, không, không... Dùng thể phủ định để mà khẳng định.

Thấy “không” nơi sự vật thì cũng thấy “không” nơi con người. Cái mà ta gọi là “ta” có hay chăng? Con mắt là “ta”? Cái tai là “ta”? Mũi là “ta”? Lưỡi là “ta”? Thân này, da thịt này là “ta”? Không! Cái mà ta gọi là “ta” là do tất cả những cái ấy hợp lại. Nào đâu có một cái “ta” độc lập, tự nó mà có! Soi điện thì cái máy thấy ruột, gan, pèo, phổi, nào đâu thấy cái “ta”? Mà mắt

tai mũi lưỡi cũng là do vô vàn yếu tố hợp lại, ngày nay ai chẳng biết nguyên tử là chưa phải cực nhỏ? Cái ngực cũng vậy, nhưng lạ lùng thay, ai cũng vỗ ngực xưng “ta”.

“Ta” không có thì ai thấy, ai nghe, ai nghĩ, ai nắm? Ai vỗ ngực? Ấy là câu hỏi của ông vua Milinda. “Thưa Sư Nagasena, nếu cái “ta” không có thì khi tín thí cúng dường vật thực, ai nhận? Ai tham thiền nhập định? Ai hành đạo, ai đắc quả? Nếu không có cái “ta” thì ai giữ giới? Ai phạm giới, ai sát sanh, ai trộm cướp, ai hành dâm, ai nói dối, ai say sưa? Ai tạo nghiệp? Lành dữ không có, nghiệp báo cũng không? Đạo đức luân thường cũng không nốt? Bây giờ có kẻ giết Sư, chẳng có kẻ bị giết, chẳng có kẻ giết? Sư là Nagasena hay là ở đây chẳng có ai là Nagasena?”.

Ai? Ấy là câu hỏi nên móng trong triết lý Tây phương. Câu hỏi đưa đến khẳng định bất hủ mà ai cũng biết trong vở kịch *Macbeth* của Shakespear: “To be or not to be, that's the question”. “Être” hay “non-Être”, đó là vấn đề như đã nói. Phật giáo phủ nhận cả hai cực đoan, cả cái “có” độc lập, thường còn của một linh hồn bất biến, lẫn cái không có gì cả của chủ thuyết hư vô, chết là hết, con người chỉ là da thịt thối rữa. Không phải cái này cũng không phải cái kia, vậy thì cái gì? Tất nhiên tôi cũng tò mò đọc các đại luận sư để cố hiểu xem chữ “ai” được cất nghĩa thế nào trong rừng rậm các trường phái Đại thừa. Rồi tôi cũng tò mò xem thử các tác giả Tây phương có làm sáng nghĩa cho tôi hiểu thêm chút nào hay không. Hóa ra càng đọc càng tối. Chẳng hạn, lý luận họ đặt ra: “Thấy năm uẩn đều không”, như vậy tất nhiên cái “không” phải có trước cái “thấy” năm uẩn. Chứ gì nữa! Thấy con lạc đà to bằng con voi, thế chẳng phải là con voi đã có trước cái thấy con lạc đà? Sau

này, càng đọc tôi càng biết: ấy là các tác giả kia muốn ép cái đầu của tôi phải dính chặt vào cái Être, cái Là, cái Hữu, cái Bắt đầu, cái Thượng đế, phải có “Ai” rồi mới có tất cả, còn nếu không, thì chỉ là Néant, cái đáng ghê tởm, vì chẳng còn thiện ác gì nữa. Sau này, bao nhiêu người nói theo luận lý ấy: bạn nói “Không”, nào có khác gì tôi nói “Thượng đế”, ấy chỉ là danh từ mà thôi. Họ nói thêm: bạn nói “Phật tính” đã có sẵn, vậy thì “Phật tính” ấy là “Không”, ngang ngửa với khái niệm “Thượng đế” của chúng tôi. Đâu phải! Bài *Tâm Kinh* của chúng tôi nói rõ: “Không” là không với cả “Không”. Ngay cả “Không” cũng là không. Bởi vì chính “Không” cũng không có tự tánh, cũng do nhân duyên mà sinh. Do duyên sinh thì “cái bắt đầu” không có. Cái gì cũng có mà cái gì cũng không.

Nói như vậy có phải là ngụy biện hay mâu thuẫn chăng? Đâu phải! Nhìn cái gì cũng thấy nó có, nhưng đồng thời biết nó không có tự tánh nên nhìn thấy cả “không” của nó. Nhìn thấy “có” là cái thấy bình thường của con mắt. Nhìn thấy “tánh không”, “tánh không”, là cái thấy rất ráo, thâm sâu, tột cùng, cái thấy của trí tuệ Bát-nhã. Như vậy, tôi phải phân biệt hai cái nhìn của tôi chăng? Phân biệt hiện tượng với bản chất? Phân biệt bình thường với rốt ráo? Nhìn cái bàn, tôi phải thấy hai cái bàn? Ấy là cái bàn của nhà vật lý Eddington. Tách cái bàn ra thành từng phần, mặt bàn, chân bàn, cái học, cái ngăn, rồi tách từng phần ra thành từng mảnh, vụn dần, vụn dần, thành bụi, thành nguyên tử, thành hạt, rồi trong mỗi hạt vẫn thấy trống không 99,9999...%, Eddington nói: có hai cái bàn: cái bàn lúc đầu, bàn số 1, và cái bàn đã phân ra thành bụi, bàn số 2, mà ông gọi là “cái bàn khoa học”. Ông bắt đầu bài giảng của ông như sau:

“Tôi ngồi vào chỗ ngồi để viết những

bài giảng này, và tôi kéo những cái ghế của tôi đến cạnh bàn. Sự thực, có hai cái bàn! Đúng vậy, có hai cái trong mỗi vật - hai cái bàn, hai cái ghế, hai cây viết!”.

Quá nguy cho chúng ta: nhìn cái gì cũng thấy hai cả thì làm sao mà sống? Kéo cái ghế nào vào cái bàn nào? Cầm cây bút nào viết lên trang giấy nào? Cứ thử tưởng tượng: tôi nhìn người yêu của tôi mà thấy hai: một là mặt hoa mày liễu, hai là phèo phổi tim gan ruột non ruột già..., eo ôi không dám nghĩ tiếp. Bài kinh *Bát Nhã* biểu tôi đừng nhìn sự vật như vậy. Thấy cái bàn là “Không”, không phải là sự tạo, lòng kiểm xem thử đằng sau cái “không” ấy của cái bàn ảo tưởng kia có cái gì khác có thực hay chẳng. Không phải thế. Mà phải thấy cái bàn như là cái bàn bình thường, cái bàn hiện diện như là cái bàn, cái bàn đã có sẵn đấy trước khi ta suy nghĩ, chỉ một cái bàn ấy thôi, không phân biệt.

Không phân biệt: ấy là chuyện phải học hoài. Nơi hạt đậu đã lên mầm, làm sao phân biệt đâu còn là hạt đậu, đâu đã là mầm xanh? Đâu là chỗ hạt đậu hết là hạt đậu, đâu là chỗ mầm non bắt đầu là mầm? Hướng hồ nơi hạt đậu và nơi mầm non đều có chung nào đất, nào phân, nào mặt trời, nào nước mưa, nào hơi ấm, có cái gì của hạt đậu mà mầm non không có đâu? Vui buồn cũng vậy, “chưa vui sum họp đã sâu chia phôi”, ấy là nàng Kiều đã biết cái sâu nằm sẵn trong cái vui, biệt ly nằm sẵn trong hội ngộ, khổ đau nằm sẵn trong hạnh phúc, mặt này và mặt kia của một cái tâm. Phải học hoài như thế để hiểu tại sao “niết-bàn” và “phiền não” không phải là hai, ấy là một, như cái bàn. Niết-bàn không phải là một thực tại nào khác ở đâu đâu, nó nằm ngay trong khổ đau, nó nằm ngay trong đời này, nó nằm ngay ở trước mắt, nó nằm ngay ở trong tâm, chấm dứt khổ đau là niết-



bàn, trở bàn tay thì sắp thành ngựa. Nhìn cuộc đời này, sống trong cuộc đời này, thấy nó vừa là khổ đau vừa là niết-bàn, chỉ một cuộc đời này thôi, không phân biệt. Ấy là thấy “có” trong “không”, thấy “không” trong “có”, cả hai nằm trong một cái nhìn thôi.

Bởi vậy, thiên tông có cái công án mà ai học thiên đều biết:

*Trước khi đi tu, tôi thấy núi là núi, sông là sông.*

*Sau khi đi tu, tôi thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông.*

*Ba chục năm sau, tôi thấy núi là núi, sông là sông.*

Vậy thì đi tu làm chi cho mệt cái đầu! Không phải đâu! Cái đầu bây giờ mới thành thoi. Tôi không dám cất nghĩa công án, chỉ nói kinh nghiệm học của mình. Cái thấy nguyên thủy của tôi trước khi suy nghĩ là: cái bàn là cái bàn, núi là núi, sông là sông. Cái thấy của tôi sau khi suy nghĩ nhờ học kinh là: cái bàn là hai, bản chất của nó là “không”, núi cũng vậy, sông cũng vậy. Đọc kinh hoài cho đến cuối đời, đầu thấm kinh như đất thấm mưa, tôi

thấy như đã thấy trong cái thấy nguyên thủy, cái thấy bình thường, núi sông bình yên, giản dị là núi sông, nó bình yên, giản dị như thế với lòng tôi nhìn nó bình yên, giản dị để thấy nó đẹp. Nhưng... nhưng... nhưng đừng ai nói với tôi rằng nó “có”, tôi không làm tưởng rằng tự nhiên mà nó có như thế, tự nó sinh nó ra như thế, hay ông Tạo hóa bà Càn khôn nào như thế mà sinh nó ra. Nó sinh ra do vô vàn nguyên nhân, và một mai vô vàn nguyên nhân sẽ làm nó diệt. Nó chỉ là một và nó mang sẵn hai mặt sinh diệt trong nó. Cho nên chẳng có gì mâu thuẫn khi nói nó không sinh không diệt.

Tôi học bài như thế để nhìn cuộc đời như nhìn núi sông: không vương cái có của nó, nhưng cũng không vương cái không. Cuộc đời cho tôi khổ đau, tôi đọc kinh để thấy nó là không. Cuộc đời cho tôi may mắn, tôi chấp tay nhận lãnh như đứa bé được quà. Tôi học: chấp chặt và buông xả không phải là hai. Học “không” với chấp thì buông. Học “có” với hiện tại thì “không” với quá khứ đau buồn, tương lai khiếp sợ. “*Núi cao chi lắm núi ơi/ Núi che mặt trời không thấy người thương*”: ấy là cái núi sau ba mươi năm tu, cái núi

bình thường, núi đẹp, núi có hồn, núi  
 mùi lòng trước một anh chàng nhớ  
 nhưng, cũng rất bình thường.

\*\*\*

Thế nhưng, còn một chỗ trong kinh  
 mà sau nhiều năm tôi cứ bị vấp. Thật  
 đáng hổ thẹn, vì đó là mấy chữ bắt  
 đầu! “*Sắc chẳng khác không, sắc tức là  
 không*” thì tôi đã hiểu như trên.  
 Nhưng “*không chẳng khác sắc, không tức  
 là sắc*” thì tôi bí. Về luận lý, đâu có gì  
 để thắc mắc: “sắc tức là không” và  
 “không tức là sắc” thì có gì khác nhau  
 đâu. Nhưng tại sao phải lặp lại trong  
 một bài kinh cô đọng từng chữ? Cho  
 đến ngày nay, tôi vẫn tự cắt nghĩa cho  
 tôi rằng không nên chỉ hiểu sự lặp lại  
 ấy bằng cái đầu.

Bằng cái đầu, tôi lý luận: cái bàn “có”  
 là do vô vàn nhân duyên sinh ra nó, từ  
 cây gỗ mọc trong rừng và trước cây gỗ,  
 trước cây gỗ vô vàn nhân duyên sinh  
 ra cây gỗ nữa, không dứt, không thể  
 tìm ra cái nhân đầu tiên, vì vậy mà tôi  
 nói “không”. Từ cái “không” ấy mà  
 có, tôi nói: cái bàn là biểu hiện của cái  
 “không”, cái núi là biểu hiện của cái  
 “không”, mỗi vật là biểu hiện của cái  
 “không”, cái “không” nơi mỗi vật là  
 nền tảng hiện hữu của vật ấy, của cái  
 “sắc”. Vì vậy, tôi nói: sắc đến từ  
 không, hai bên kết hợp với nhau như  
 một, không tách rời được, trong một  
 mạng lưới nhân duyên chằng chịt,  
 tinh tế.

Đối với tôi, điều này quan trọng vô  
 cùng, không phải trừu tượng, không  
 phải triết lý suông. Quan trọng vô  
 cùng để sống trong cuộc đời. Nếu  
 không thấy sắc với không là kết hợp  
 nhau, tôi sẽ lạc vào lầm tưởng rằng cái  
 bàn này là giả tạo, mọi vật là giả tạo,  
 cuộc đời là giả tạo, tất cả đều không  
 có, tất cả đều không. E rằng tôi sẽ tự  
 tử. Làm sao sống được khi bông hoa  
 đẹp thế kia mà cái đầu cứ lẫn thẩn hoa



đầu có, đẹp đầu có, thơm đầu có. Mà  
 nhìn hoa thì cái đầu cũng đừng lẫn  
 thẩn phân biệt tách nó làm hai: ờ, nó  
 là không ở mức rốt ráo, nhưng ờ, nó là  
 có ở mức bình thường. Nhìn hoa như  
 vậy thì chẳng thấy hoa đâu, chỉ thấy  
 cái đầu cuồng chữ. “Không” và “sắc”  
 kết hợp với nhau trong một cái nhìn  
 trực chỉ: ấy là bài kinh dạy tôi phải  
 sống trong cuộc đời như vậy.

Sống như vậy thì không vương,  
 không vương thì không khiếp sợ. Vì  
 khiếp sợ nên con người mới tạo ra  
 những cái “có”, những ông thân: nào  
 Tạo hóa, nào Tiên định, nào May rủi...  
 Vì vậy mà Phật nói “không”. Kinh  
*Pháp Hoa* nói: chỗ của Phật là “nhất  
 thiết pháp không”, là cái không trong  
 vạn hữu. Không trong vạn hữu, chứ  
 không phải là vạn hữu đều không. Ta  
 sống trong vạn cái có ấy, ung dung, tự  
 do, không vương, không sợ. Cái đáng  
 khiếp sợ nhất của con người là không  
 có niềm tin, là đi mà không có hướng.  
 Tôi tụng bài kinh *Bát Nhã* suốt đời cũng  
 chỉ để học theo ngài Huyền Trang, lạc  
 gần chết giữa sa mạc, chỉ đọc kinh *Bát  
 Nhã* mà thấy hướng nước.

Nghĩa là tôi phải đọc với cái tâm trực  
 nhận, với niềm tin, để đừng lạc hướng

với cái đầu hý luận. Tôi đọc, và thì  
 thâm như có tiếng bên tai: “vậy đó,  
 vậy đó, *đương xứ tiện thị*, như vậy đó,  
 như vậy đó...”

*Không sinh cũng không diệt  
 Không thường cũng không đoạn  
 Không một cũng không khác  
 Không đến cũng không đi.  
 Tuyên thuyết pháp nhân duyên  
 Dập tắt mọi hý luận  
 Con củi đầu lay Phật  
 Bạc Đạo sư tuyện vời.*

Đó là tiếng thì thâm từ bài kệ khai  
 kinh của ngài Long Thọ. *Đương xứ tiện  
 thị*, như vậy đó, như vậy đó, cứ như  
 vậy mà kinh nghiệm, cứ như vậy mà  
 sống trong cuộc đời, mà thấy mùi cỏ  
 xanh giữa sa mạc. “Như vậy” là thế  
 nào? Là siêu việt trên ngôn ngữ. Là  
 chỉ còn những tiếng thì thâm. Từ  
 đâu? Từ bên trong. Trong ta. Trong  
 “không”. Trong “tánh không” của ta.  
 Vì chỗ ấy Phật ngồi.

Có những lúc ngôn ngữ trở thành chật  
 hẹp. Có những lúc ta nên mở rộng cửa  
 để tưởng tượng thông dong đi thẳng  
 vào mệnh môn. Bài kinh *Bát Nhã* mở  
 ra mệnh môn cánh cửa. Thân thông  
 tự tại. Qua lại thông dong.